

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/09/2025

V/v: ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố V, phường N, tỉnh Bắc Ninh; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn P, sinh năm 1986; nơi ở hiện nay: Thôn H, phường V, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh P đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 03 năm 2008 trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng về tại gia đình anh P sinh sống và làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến tháng 3 năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày,

cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên chị đề nghị ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2009, Nguyễn Thu L sinh ngày 26/02/2012, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/2013, Nguyễn Phước H1, sinh ngày 19/06/2024; hiện nay các con đang ở cùng chị N khỏe mạnh phát triển bình thường sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu H và cháu H1; anh P nuôi cháu T và cháu L, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; hiện nay chị làm công nhân thu nhập trung bình là 11.000.000đ/tháng ngoài ra chị còn chăn nuôi trồng trọt thêm trên đất của bố mẹ đẻ và sau khi ly hôn bố mẹ chị sẽ tách cho chị một phần đất để ở.

- Về tài sản chung; công nợ, công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung, công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn anh Nguyễn Tuấn P trình bày:** Anh và chị N đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 03 năm 2008 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến tháng 3 năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị N xin ly hôn anh, anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2009, Nguyễn Thu L sinh ngày 26/02/2012, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/2013, Nguyễn Phước H1, sinh ngày 19/06/2024. Nếu vợ anh nhất quyết anh đề nghị nuôi 02 con chung là Nguyễn Thu L sinh ngày 26/02/2012, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/2013.

- Về tài sản chung; công nợ; công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: Vợ chồng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2009, Nguyễn Phước H1, sinh ngày 19/06/2024, cho chị Ngô Thị N1 chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thu L sinh ngày 26/02/2012, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/2013 cho anh Nguyễn Tuấn P chăm sóc nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh P đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh P.

[1.3] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh P kết hôn ngày 03/3/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh) và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết

hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định hôn nhân giữa chị N, anh P là hợp pháp.

[2.1] Căn cứ xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của nguyên đơn Quá trình chung sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn và hạnh phúc nhưng một thời gian sau hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Chị N, anh P ly thân từ tháng 5/2025. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị N, anh P có 04 con chung là là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2009, Nguyễn Thu L sinh ngày 26/02/2012, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/2013, Nguyễn Phước H1, sinh ngày 19/06/2024; chị N có nguyện vọng nuôi cháu H và cháu H1; anh P nuôi cháu T và cháu L; Tòa án thấy rằng nguyện vọng nuôi con của chị N và anh P là chính đáng thể hiện quyền và trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, hiện cháu Phước H1 dưới 3 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ do cháu H có nguyện vọng ở với chị N đó cần giao cháu H và cháu H1 cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Thu L và Thanh T cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu do vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: chị N, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2009 và Nguyễn Phước H1, sinh ngày 19/06/2024, cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc nuôi dưỡng

Giao cháu Nguyễn Thu L sinh ngày 26/02/2012 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/8/2013 cho anh Nguyễn Tuấn P chăm sóc nuôi dưỡng

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002953, ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2). Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Vân Hà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

